

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

---***---

Bản án số: 66/2017/HSST

Ngày: 29/9/2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Vĩnh và ông Trần Xuân Hòa

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Vân - Cán bộ tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Khoái Châu: Bà Lê Thị Chung - KSV.

Hôm nay ngày 29/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 62/2017/HSST ngày 14/9/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2017/HSST-QĐXX ngày 18/9/2017 đối với bị cáo: **Đặng Trung D** – Sinh năm 1987. Nơi đăng ký HKTT và trú trú tại: thôn A, xã V, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 09/12; Con ông: Đặng Minh C, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960. Có vợ là Đoàn Thị M, sinh năm 1990 (đã ly hôn);

Tiền án, tiền sự:

- Ngày 25/5/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Ngày 07/3/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử phạt 04 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/7/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Công ty TNHH S

Trụ sở: Thôn A, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện: Anh Bùi Văn B, sinh năm 1988.

Chức vụ: Trưởng chi nhánh Hưng Yên.

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Văn, sinh năm 1972;
- Anh Lê Văn E, sinh năm 1988;
- Ông Lê Văn F, sinh năm 1955;

- Ông Phạm Văn G, sinh năm 1949.

Đều trú tại: Thôn A, xã V, huyện Khoái C, tỉnh Hưng Yên.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng: Anh Đào Ngọc T, sinh năm 1984;

Trú tại: Thôn X, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 27/6/2017, Đặng Trung D điều khiển xe mô tô Dream không gắn biển số đi một mình trên quốc lộ 39A thuộc địa phận xã V, huyện K với mục đích xem có ai sơ hở thì trộm cắp lấy tiền tiêu sài. Khi D đi qua Công ty TNHH S có trụ sở tại thôn A, xã V, huyện K, D quan sát thấy các cánh cửa kho khóa nhưng bên trong vẫn có điện thấp sáng. D dựng xe tại lề đường rồi đi bộ đến cửa kho chính và nhìn qua khe cửa thấy bên trong không có người, cách cánh cửa kho chính khoảng 1m có rất nhiều kệ sắt chứa các thanh Inox hình hộp chữ nhật và hình tròn. D quan sát ở phía dưới cánh cửa chính có một khe rộng, D đi nhặt 01 thanh gỗ (giát giường đã cũ bị gãy) có một đầu to một đầu vát nhọn tại khu vực trước cửa công ty. D cầm thanh gỗ bằng tay phải rồi cúi xuống vị trí khe cửa cho đầu thanh gỗ to đưa vào phần rộng của thanh inox rồi kéo ống inox ra khỏi giá và kéo ra bên ngoài. D kéo được 03 thanh inox hình chữ nhật ra ngoài, sau đó vác lên vai trái và dùng tay phải điều khiển xe mô tô mang về nhà cất giấu. Sau đó, D tiếp tục thực hiện thêm hai lần nữa, mỗi lần lấy được 03 thanh inox hình chữ nhật, đến lần thứ tư vẫn bằng cách như vậy D lấy được 01 thanh inox hình chữ nhật và 01 thanh inox hình tròn. Sợ bị người dân phát hiện nên D đã giắt thanh gỗ vào phía sau biển quảng cáo rồi điều khiển xe mô tô vác 02 thanh inox về nhà. D đã lấy được tổng số 11 thanh inox gồm 10 thanh inox hình chữ nhật và 01 thanh inox hình tròn. D đã cất giấu các thanh inox này trên trần nhà ở của D tại thôn A, xã V, huyện K. Đến 07 giờ sáng ngày 28/6/2017 D điều khiển xe mô tô mang 02 thanh inox hình chữ nhật đến nhà anh Lê Văn X, sinh năm 1972 ở cùng thôn được số tiền 300.000đ. Nhìn thấy D mang thanh inox đến bán nên anh Lê Văn E sinh năm 1988 (là thợ cơ khí) ở cạnh nhà anh X hỏi D còn không để anh E mua thì D trả lời: “Còn” và hẹn tối sang lấy. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì anh E đến nhà D mua 08 thanh inox hình chữ nhật và 01 thanh inox hình tròn với giá 1.200.000đ. Vì trước đó anh E bán cho D 01 chiếc xe mô tô Dream và D còn nợ anh E 700.000đ nên anh E chỉ trả cho D 300.000đ và nợ lại D 200.000đ. Số tiền 600.000đ bán các thanh inox D đã tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 29/6/2017, anh Bùi Văn B là đại diện cho Công ty TNHH S đã có đơn trình báo về việc công ty anh bị mất trộm số tài sản gồm 21 thanh sắt Inox các loại, trị giá khoảng 10.000.000đ.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã khám nghiệm hiện trường và tiến hành cho D thực nghiệm lại toàn bộ hành vi trộm cắp ngày 27/6/2017. Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 chiếc xe mô Dream không đeo biển kiểm soát; 01 đoạn gỗ đầu dẹt có kích thước dài 98,5cm, dày 1,3cm, bản rộng 4,4 cm, một đầu có kích thước 1,3x1cm, một đầu có kích thước 1,3x1,6cm; 08 thanh inox hình chữ nhật và 01 thanh inox hình tròn do anh Lê Văn E giao nộp.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định đối với 11 thanh inox mà D đã trộm cắp gồm: 10 thanh inox hình chữ nhật và 01 thanh inox hình tròn. Tại bản kết luận số 31 ngày 06/7/2017 và bản kết luận số 37 ngày 29/8/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện Khoái Châu đã kết luận: tổng giá trị của 11 thanh Inox mà D trộm cắp có giá trị 3.766.000đ.

Đối với 09 thanh inox mua của D, anh Lê Văn E khai nhận không biết đó là tài sản do D trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với anh E. Đối với 02 thanh inox D khai bán cho anh Lê Văn X nhưng anh X không thừa nhận đã mua của D, anh E khai có nhìn thấy D mang 02 thanh inox đến nhưng D có bán cho anh E không thì anh E không biết, do đó không thu giữ được 02 thanh inox này.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả anh Bùi Văn B là đại diện cho Công ty TNHH S 09 thanh inox, anh B đã nhận lại và yêu cầu anh D phải trả cho công ty 02 thanh inox mà D đã trộm cắp đồng thời tiếp tục đề nghị cơ quan điều tra làm rõ số inox còn lại mà công ty đã bị mất. Anh E yêu cầu D phải trả lại cho anh số tiền 300.000đ mà anh đã mua số thanh inox.

Đối với chiếc xe mô tô Dream không đeo biển số đã thu giữ, quá trình điều tra xác định: chiếc xe mang biển số 89F3-9833, đăng ký tên ông Phạm Văn G, sinh năm 1949 ở thôn A, xã V. Ông G đã bán chiếc xe này cho ông Lê Công F sinh năm 1955 ở cùng thôn, sau đó ông F đã cho anh E (là cháu ruột), anh E đã bán lại chiếc xe trên cho D. Hiện chiếc xe đang được quản lý tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án huyện Khoái Châu.

Tại bản cáo trạng số 69/QĐ-VKS-HS, ngày 12/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố: Đặng Trung D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (BLHS năm 1999).

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Đặng Trung D và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản

1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 41; khoản 1 Điều 42 của BLHS năm 1999; Điều 357; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS năm 2015); điểm a, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (BLTTHS năm 2003); Đề nghị xử phạt bị cáo D từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù tính từ ngày 07/7/2017; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D; Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước chiếc xe mô Dream màu nâu, không đeo biển kiểm soát và 01 đăng kí xe mang biển kiểm soát 89F3 -9833 mang tên Phạm Văn G; Tịch thu cho tiêu hủy 01 đoạn gỗ đầu dẹt có kích thước dài 98,5cm, dày 1,3cm, bản rộng 4,4 cm, một đầu có kích thước 1,3x1cm, một đầu có kích thước 1,3x1,6cm.

- Bị cáo D nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải, và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất.

- Đại diện cho bị hại anh Bùi Văn B trình bày:

Về trách nhiệm dân sự: Anh B yêu cầu bị cáo D phải bồi thường nốt 02 thanh sắt chưa thu hồi được theo mức giá mà Hội đồng định giá trong tố tụng huyện K đã định giá.

Về trách nhiệm hình sự: Anh B đề nghị Hội đồng xét xử xét xử hành vi của bị cáo D theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn X, anh Lê Văn E, ông Lê Văn F, ông Phạm Văn G đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 191 của BLTTHS 2003 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận vào ngày 27/6/2017, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của công ty TNHH S có trụ sở tại thôn A, xã V. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản khám nghiệm hiện trường (BL: 38-39); Biên bản quản lý đồ vật, tài liệu (BL: 42-45); Kết luận định giá (21- 25); Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (BL 83-91) và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 27/6/2017, Đặng Trung D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 10 thanh inox hình chữ nhật và 01 thanh inox hình tròn có tổng trị giá là 3.766.000đồng của Công ty TNHH S có trụ sở ở thôn A, xã V, huyện K. Bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Đặng Trung D theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 69/QĐ-VKS-HS, ngày 12/9/2017 là có căn cứ.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Trung D là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội nói chung và gây mất trật tự trị an tại địa phương nói riêng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lợi dụng lúc người bị hại không có mặt tại cửa hàng, bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật, nhưng do có động cơ tư lợi, muốn ăn chơi hưởng thụ trên mồ hôi công sức của người khác nên bị cáo vẫn thực hiện, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của nhà nước. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Mặc dù tại bản án số 17/2012/HSST, ngày 07/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đã xét xử bị cáo D 04 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, với tình tiết tăng nặng là tái phạm, đến ngày 26/02/2015 bị cáo mới chấp hành xong bản án. Tuy nhiên do sự thay đổi về chính sách, pháp luật, Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực, nhưng căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017/QH14; khoản 3 Điều 7 của BLHS năm 2015 về việc áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội. Như vậy, so sánh Điều 63 của BLHS năm 1999 với Điều 70 của BLHS 2015 thì thời gian người bị kết án đương nhiên được xóa án tích được quy định trong Điều 70 của BLHS 2015 ngắn hơn, có lợi hơn đối với người phạm tội. Vì vậy, tính từ thời điểm bị cáo chấp hành xong bản án số 17/2012/HSST ngày 07/3/2012 cho đến khi bị cáo phạm tội mới (27/6/2017) đã quá 02 năm. Nên khi bị cáo phạm tội lần này đã đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại điều 70 của BLHS năm 2015.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Nên bị cáo D được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999 để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Xét về nhân thân: Bản thân bị cáo là đối tượng ăn chơi, đua đòi lười lao động dẫn đến mắc nghiện chất ma túy, đã từng 02 lần bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, sau khi chấp hành xong bản án, bị cáo không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện, không tôn trọng pháp luật, không ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nay lại phạm tội do lỗi cố ý. Nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng, bản thân nghiện chất ma túy, thường xuyên đi lang thang nên không áp dụng khoản 5 Điều 138 – BLHS năm 1999 để phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Cần áp dụng khoản 1 Điều 42 của BLHS năm 1999; Điều 357; khoản 1 Điều 589 của BLDS 2015 để xử lý trách nhiệm dân sự như sau:

- Xét yêu cầu của anh B về việc yêu cầu bị cáo phải bồi thường 02 thanh inox hình chữ nhật thì thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định bị cáo D đã trộm cắp của Công ty THNN S 10 thanh inox hình chữ nhật và 01 thanh inox hình tròn. Tuy nhiên, quá trình điều tra cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu đã thu hồi và trả cho bị hại 08 thanh inox hình chữ nhật và 01 thanh inox hình tròn. Vì vậy, buộc bị cáo phải tiếp tục trả cho anh Bùi Văn B – đại diện của công ty TNHH S 02 thanh inox hình chữ nhật tương ứng với số tiền 692.200đồng.

Xét yêu cầu của anh Lê Văn E về việc yêu cầu bị cáo phải bồi thường trả anh số tiền 300.000đ mà anh E đã trả cho bị cáo để mua 09 thanh inox nêu trên thì thấy rằng khi bán các thanh inox trên cho anh E bị cáo không nói cho anh E biết các thanh inox trên do bị cáo trộm cắp có được và các thanh inox trên không thuộc trường hợp phải đăng ký quyền sở hữu nên việc mua bán giữa anh E và bị cáo là giao dịch dân sự ngay tình. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh E buộc bị cáo phải trả cho anh E số tiền 300.000đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật anh B và anh E có đơn thi hành án hợp pháp nếu bị cáo D chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 của BLDS 2015.

Về xử lý vật chứng: Cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 - BLHS; điểm a, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS để xử lý vật chứng như sau:

Đối với chiếc xe mô tô Dream không đeo biển số và 01 đăng kí xe mô tô mang BKS 89F3-9833 mang tên ông Phạm Văn G đã thu giữ, quá trình điều tra xác định tại thời điểm phạm tội thì chiếc xe trên thuộc sở hữu của D và D đã dùng chiếc xe trên để làm phương tiện để chở tài sản chiếm đoạt được, xét thấy chiếc xe trên là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước.

Đối với đoạn gỗ dẹt, màu nâu có kích thước dài 98,5cm, dày 1,3cm, bản rộng nhất 4,4cm một đầu có kích thước 1,3x1,1cm, một đầu có kích thước 1,3x1,6cm là công cụ phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Về án phí: Buộc bị cáo D phải chịu án phí HSST là 200.000đ và án phí TNDS là 300.000đ theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1, khoản 2 Điều 99 của BLTTHS.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại luật sư và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 231, Điều 234 của BLTTHS năm 2003.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Trung D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Trung D 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày D bị bắt tạm giam ngày 07/7/2017.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS năm 1999; Điều 357; khoản 1 Điều 589 của BLDS 2015.

Buộc bị cáo Đặng Trung D phải trả cho anh Bùi Văn B – Đại diện Công ty TNHH S có trụ sở ở thôn A, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên số tiền 692.200đ (Sáu trăm chín mươi hai nghìn hai trăm đồng) và phải trả cho anh Lê Văn E, trú tại thôn A, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật Công ty TNHH S có trụ sở ở thôn A, xã V, huyện K và anh Lê Văn E có đơn thi hành án hợp pháp nếu bị cáo D chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 của BLDS 2015.

Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của BLHS; điểm a, đ khoản 2 Điều 76 của BLTTHS.

Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 chiếc xe mô tô Dream không đeo biển số và 01 đăng kí xe mô tô mang BKS 89F3-9833 mang tên ông Phạm Văn G.

Tịch thu cho thiêu hủy 01 đoạn gỗ dẹt, màu nâu có kích thước dài 98,5cm, dày 1,3cm, bản rộng nhất 4,4cm một đầu có kích thước 1,3x1,1cm, một đầu có kích thước 1,3x1,6cm.

(Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 51/KSĐT, ngày 12/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 – BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí trách nhiệm dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 của BLTTHS.

Báo cho bị cáo, đại diện cho bị hại biết có quyền kháng cáo bản án hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2017). Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo phần quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND huyện Khoái Châu;
- CA huyện Khoái Châu;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phòng kiểm tra - TAND tỉnh;
- Chi cục thi hành án huyện K/C;
- Lưu HS.

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG